

Серия 37

6 会 huì kuài	1 	2 	3 	4 	5 	6 			
	撇	捺	横	横	撇折	点			
9 说 shuō tuō	1 	2 	3 	4 	5 	6 	7 	8 	9
	点	横折提	点	撇	竖	横折	横	撇	竖弯钩
4 中 zhōng zhōng	1 	2 	3 	4 					
	竖	横折	横	竖					
4 文 wén	1 	2 	3 	4 					
	点	横	撇	捺					

Серия 38

6 再 zài	1 	2 	3 	4 	5 	6
	横	竖	横折钩	竖	横	横
4 见 jiàn xiàn	1 	2 	3 	4 		
	竖	横折	撇	竖弯钩		
6 兴 xīng xīng	1 	2 	3 	4 	5 	6
	点	点	撇	横	撇	点